

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 12/05/2020 về việc thay đổi người đại diện pháp luật, trụ sở làm việc của Công ty từ Tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội về địa chỉ tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hán Kông Khanh	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31/3/2020)
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 31/3/2020)
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	
	Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên	
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
	Bà Lã Thị Quy	Thành viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Huy	Quyền Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 31/3/2020)
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 31/3/2020)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Số: 638/2020/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 07 năm 2020, từ trang 04 đến trang 41 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	MS	TM	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.306.435.613.682	1.049.051.517.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	101.648.336.248	35.866.001.576
1. Tiền	111		73.648.336.248	35.866.001.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.300.091.000	20.300.091.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	11.212.500.000	11.212.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	9.087.591.000	9.087.591.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		390.771.451.048	323.195.230.195
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	180.227.988.160	175.572.714.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	84.714.835.259	57.470.465.348
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	74.726.703.004	51.458.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	64.721.581.996	52.524.386.939
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(13.619.657.371)	(13.830.336.578)
IV. Hàng tồn kho	140		792.892.150.277	653.170.597.257
1. Hàng tồn kho	141	5.9	792.892.150.277	653.170.597.257
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		823.585.109	16.519.597.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	337.825.773	299.654.132
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		485.759.336	16.219.943.781
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		371.459.841.325	340.643.910.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.754.986.071	753.236.071
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	22.754.986.071	753.236.071
II. Tài sản cố định	220		31.736.222.536	31.940.403.826
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	2.711.120.384	2.817.560.942
- Nguyên giá	222		4.993.888.036	4.993.888.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.282.767.652)	(2.176.327.094)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	29.025.102.152	29.122.842.884
- Nguyên giá	228		30.093.389.807	30.093.389.807
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.068.287.655)	(970.546.923)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	115.907.770.863	117.477.095.079
1. Nguyên giá	231		146.731.814.195	146.731.814.195
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.824.043.332)	(29.254.719.116)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		956.656.325	63.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		956.656.325	63.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		53.000.118.163	54.540.599.670
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.14	52.361.090.980	53.901.572.487
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	990.000.000	990.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính DH	254		(350.972.817)	(350.972.817)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		147.104.087.367	135.869.576.267
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	135.354.375.937	123.084.872.661
5. Lợi thế thương mại	269		11.749.711.430	12.784.703.606
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.677.895.455.007	1.389.695.428.854

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

			30/06/2020	01/01/2020
	MS	TM	VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.281.223.488.246	1.036.139.968.994
I. Nợ ngắn hạn	310		1.037.228.209.289	814.106.648.354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	133.184.616.694	121.064.044.087
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	521.883.644.997	20.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	24.327.205.878	8.767.646.291
4. Phải trả người lao động	314		1.323.389.898	787.557.006
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.247.513.406	1.312.397.041
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.012.121.764
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	326.578.294.540	615.479.338.289
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	25.000.000.000	45.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		683.543.876	683.543.876
II. Nợ dài hạn	330		243.995.278.957	222.033.320.640
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	12.904.805.908	13.593.320.640
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	231.090.473.049	208.440.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		396.671.966.761	353.555.459.860
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	396.671.966.761	353.555.459.860
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		326.000.000.000	326.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.239.593.616	23.113.990.934
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		23.113.990.934	(6.040.872.829)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.125.602.682	29.154.863.763
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.909.373.145	2.918.468.926
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.677.895.455.007	1.389.695.428.854
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc






Nguyễn Hữu Đạt

Lê Thị Quy

Nguyễn Quang Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	262.655.093.833	78.867.178.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		262.655.093.833	78.867.178.804
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	187.780.453.155	75.279.431.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		74.874.640.678	3.587.747.060
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	2.290.741.252	1.658.624.287
7. Chi phí tài chính	22	5.25	2.847.542.478	445.597.417
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.685.714.903	445.597.417
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(3.443.467.797)	457.163.551
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	8.339.001.682	114.534.350
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	9.448.524.919	4.005.661.918
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		53.086.845.054	1.137.741.213
12. Thu nhập khác	31	5.27	3.005.223.855	837.541.296
13. Chi phí khác	32	5.27	848.047.927	755.589.421
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.157.175.928	81.951.875
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		55.244.020.982	1.219.693.088
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	12.127.514.081	464.603.421
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(18.424.528)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		43.116.506.901	773.514.195
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		43.125.602.682	773.514.195
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(9.095.781)	0
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	1.323	24

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập



Nguyễn Hữu Đạt

Kế toán trưởng



Lê Thị Quy

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	2	4	5
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.244.020.982	1.219.693.088
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.773.505.506	1.820.338.103
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.266.366.119)	(2.858.779.134)
- Chi phí lãi vay	06	2.685.714.903	445.597.417
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.436.875.272	626.849.474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(45.999.609.721)	16.084.436.026
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(139.721.553.020)	(221.004.096.345)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	239.497.628.060	299.056.476.936
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.307.674.917)	(20.315.335.479)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.399.481.931)	(863.264.084)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.478.328.910)	(4.917.086.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	87.027.854.833	68.667.980.110
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(893.656.325)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(73.451.360.538)	(27.087.591.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.182.657.534	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(10.880.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	353.347.986
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.266.366.119	281.868.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.895.993.210)	(37.332.374.082)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ cho vay	33	70.473.854.659	109.466.910.664
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.823.381.610)	(107.493.229.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.650.473.049	1.973.680.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	65.782.334.672	33.309.286.828
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.866.001.576	12.779.811.309
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	101.648.336.248	46.089.098.137

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập



Nguyễn Hữu Đạt

Kế toán trưởng



Lê Thị Quy

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 12/05/2020 về việc thay đổi người đại diện pháp luật, trụ sở làm việc của Công ty từ Tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội về địa chỉ tầng 3, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102186593 ngày 12/05/2020 là 326.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 80 người.

Công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400345569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hòa Bình cấp lần đầu ngày 04/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu (06) ngày 07 tháng 6 năm 2016. Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam mua 2.268.000 cổ phần tương ứng sở hữu 99% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 22.700.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú (khách sạn, Biệt thự và căn hộ kinh doanh du lịch lưu trú ngắn hạn), dịch vụ ăn uống, trồng cây, chăn nuôi...

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần In Thái Nguyên tiền thân là doanh nghiệp nhà nước Công ty In Thái Nguyên được chuyển cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 20/9/2005. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600308555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 10 ngày 26 tháng 4 năm 2019. Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam sở hữu 10.909.768 cổ phần tương ứng sở hữu 90,91% vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Công ty thực hiện dịch vụ in ấn, Công ty tạm ngừng dịch vụ in ấn từ tháng 3 năm 2020 và đang tìm kiếm cơ hội đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty con.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện));
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện)
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyên giao công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ : Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2020, Công ty có Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Khách sạn, du lịch	99,91%	99,91%
- Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	Đang tạm ngừng hoạt động in, tìm kiếm cơ hội đầu tư.	90,91%	90,91%
'Công ty TNHH Môi trường IDJ Châu Đốc	Đang trong quá trình đầu tư	100%	100%
'Công ty TNHH Môi trường IDJ Phú Tân	Đang trong quá trình đầu tư	100%	100%
Công ty liên doanh			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Giáo dục Hà Nội Academy	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao	22,33%	22,33%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Cung cấp dịch vụ giáo dục	33,58%	33,58%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Việt Hàn	Dịch vụ tiệc cưới, nhà hàng	28,5%	28,5%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Kinh doanh bất động sản	40%	40%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn; Công ty Cổ phần In Thái Nguyên; Công ty TNHH Môi trường IDJ Châu Đốc và Công ty TNHH Môi trường IDJ Phú Tân.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 <u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	05-06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Xóm Nước vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

6 tháng đầu năm 2020, chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án số tiền là 9.706.385.316 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí dịch vụ tại trung tâm thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Một là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội; hai là hoạt động xây dựng công trình, ba là Công ty kinh doanh bất động sản và kinh doanh khác nên Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho thuê VP, TTTM và Xây dựng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	398.604.820	65.290.667
Tiền gửi ngân hàng	73.249.731.428	35.800.710.909
Các khoản tương đương tiền	28.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	28.000.000.000	-
Tổng	101.648.336.248	35.866.001.576

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư chứng khoán kinh doanh (*)	11.212.500.000	-		11.212.500.000	-	
Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA (1)	3.912.500.000	-		3.912.500.000	-	
Công ty Cổ phần Dream Works (2)	7.300.000.000	-		7.300.000.000	-	
Tổng	11.212.500.000	-	(*)	11.212.500.000	-	(*)

(1) Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA, số lượng cổ phần: 391.250 Cổ phần.

(2) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 20/11/2018 quyết định giao cho Tổng Giám đốc lựa chọn thời điểm phù hợp để bán toàn bộ 7.300.000 Cổ phần Công ty Cổ phần Dream Works mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	9.087.591.000	9.087.591.000	9.087.591.000	9.087.591.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	8.787.591.000	8.787.591.000	8.787.591.000	8.787.591.000
- Các khoản đầu tư khác (2)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng	9.087.591.000	9.087.591.000	9.087.591.000	9.087.591.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/08/2012 khu vui chơi Funworld.

5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	180.227.988.160	175.572.714.486
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	58.749.011.373	83.649.011.373
Công ty Cổ phần APEC Land Huế	259.856.716	10.351.456.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	63.105.104.465	76.201.570.051
Phải thu khách hàng về hoạt động bất động sản	52.881.661.009	-
Phải thu các đối tượng khác	5.232.354.597	5.370.676.293
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 6.1)	122.113.972.554	170.202.038.193
Tổng	180.227.988.160	175.572.714.486

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty cổ phần CDC Hà Nội	821.300.022	18.455.188.348
Công ty Cổ phần Fountech	-	13.608.986.246
Tổng Công ty xây dựng Nông nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.133.174.293	7.203.558.146
Công ty Cổ Phần Đầu tư Anpha	35.205.753.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	20.238.725.297	-
Các đối tượng khác	24.315.882.647	18.202.732.608
Tổng	84.714.835.259	57.470.465.348

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Anpha (1)	26.126.703.004	46.108.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Holding (2)	38.600.000.000	5.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bg Group (3)	10.000.000.000	-
Tổng	74.726.703.004	51.458.000.000

(1): Theo 04 hợp đồng vay vốn ngắn hạn: Hợp đồng số: 3112/2019IDJ-ANPHA ngày 31/12/2019, Số tiền: 50.000.000.000 đồng; hợp đồng số: 1601/2020IDJ-ANPHA ngày 16/01/2020, số tiền vay: 5.850.000.000 đồng; Hợp đồng số: 02/2020IDJ-ANPHA, số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; Hợp đồng số: 06/2020IDJ-ANPHA ngày 07/04/2020, Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng. Bên đi vay - Công ty Cổ phần Đầu tư Anpha và Bên cho vay - Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, thời hạn vay vốn 12 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất 13%/năm.

(2): Theo 02 hợp đồng sau: Hợp đồng số 01/2020/IDJ-HOLDING ngày 23/3/2020, số tiền: 13.800.000.000 đồng; Hợp đồng số: 02/2020/IDJ-HOLDING, số tiền: 5.000.000.000 đồng; Hợp đồng số: 03/2020/IDJ-HOLDING ngày 02/06/2020, số tiền: 15.000.00.000 đồng; Hợp đồng số 04/2020/IDJ-HOLDING, số tiền: 15.000.00.000 đồng; giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Holding và công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất 13%/năm.

(3): Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 2606/HĐVV/IDJ-BG ngày 26/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư BG Group và Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, số tiền: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn), thời hạn vay vốn 12 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất 13%/năm.

5.7 Phải thu khác

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	64.721.581.996	(9.998.613.821)	52.524.386.939	(10.129.382.453)
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	9.783.650.021	(9.783.650.021)	9.914.418.653	(9.914.418.653)
Tạm ứng	52.624.842.905	-	42.114.721.440	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	2.307.089.070	(214.963.800)	489.246.846	(214.963.800)
b) dài hạn	22.754.986.071		753.236.071	
Ký cược, ký quỹ	22.454.986.071	-	453.236.071	-
Cho mượn	300.000.000	-	300.000.000	-
Tổng	87.476.568.067	(9.998.613.821)	53.277.623.010	(10.129.382.453)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Nợ xấu

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	13.619.657.371	-	13.830.336.578	-
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(13.619.657.371)</i>		<i>(13.830.336.578)</i>	
	Quá hạn từ 6 năm đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
<i>Trong đó:</i>				
Các khoản chi hộ				9.783.650.021
"Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"				
Các đối tượng còn lại				3.836.007.350

5.9 Hàng tồn kho

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.007.191	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	792.884.143.086	-	653.170.597.257	-
Tổng	792.892.150.277	-	653.170.597.257	-

Chi tiết các công trình

Dự án Diamond Park Lạng Sơn (1)	167.328.394.701	445.421.874.098
Dự án Wyndham Hải Tân, Hải Dương (2)	49.771.362.479	27.286.494.816
Dự án Mandala Grand Phú Yên (3)	114.184.932.658	114.188.041.260
Dự án Wyndham Mũi Né, Bình Thuận (4)	438.685.720.803	49.507.523.159
Công trình, dự án khác	22.913.732.445	16.766.663.924

- (1) Dự án APEC Diamond Park Lạng Sơn; vị trí tại quốc lộ 1A cũ, thôn Phai Duốc, xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn; tổng diện tích 5,5 ha; loại hình sản phẩm: Nhà phố Shophouse và Thương mại dịch vụ.
- (2) Dự án APEC Mandala Wyndham Hải Tân, Hải Dương; vị trí tại phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; diện tích 1.541 m²; loại hình sản phẩm TTTM và Văn phòng cho thuê.
- (3) Dự án Apec Mandala Grand Phú Yên; vị trí tại đường Hùng Vương, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; tổng diện tích 4.514,5 m² đất thương mại dịch vụ
- (4) Dự án APEC Mandala Wyndham Mũi Né; vị trí tại đường DT716, xã Hòa Thắng, Phan Thiết, Bình Thuận; diện tích 4,5 ha; loại hình sản phẩm Condotel/căn hộ khách sạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	337.825.773	299.654.132
Chi phí thuê Văn phòng, TTTM	301.761.257	299.654.132
Chi phí Dự án chờ phân bổ	36.064.516	-
Dài hạn	135.354.375.937	123.084.872.661
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.839.756.032	1.235.894.918
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	3.881.469.286	3.928.995.508
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.448.141.453	1.467.409.757
Chi phí Dự án chờ phân bổ	128.185.009.166	116.452.572.478
Tổng	135.692.201.710	123.384.526.793

5.11 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	3.753.986.005	633.472.009	606.430.022	4.993.888.036
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	3.753.986.005	633.472.009	606.430.022	4.993.888.036
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	1.032.346.128	633.472.009	510.508.957	2.176.327.094
Tăng trong kỳ	93.849.648	-	12.590.910	106.440.558
Khấu hao trong kỳ	93.849.648	-	12.590.910	106.440.558
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	1.126.195.776	633.472.009	523.099.867	2.282.767.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2020	2.721.639.877	-	95.921.065	2.817.560.942
Tại 30/06/2020	2.627.790.229	-	83.330.155	2.711.120.384

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại 30/6/2020 là 1.139.174.758 đồng (tại 01/01/2020 là 1.139.174.758 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2020	30.035.969.807	57.420.000	30.093.389.807
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	<u>30.035.969.807</u>	<u>57.420.000</u>	<u>30.093.389.807</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	969.878.052	-	970.546.923
Tăng trong kỳ	88.170.732	9.570.000	97.740.732
Khấu hao trong kỳ	88.170.732	9.570.000	97.740.732
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	<u>1.058.048.784</u>	<u>9.570.000</u>	<u>1.068.287.655</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	<u>29.066.091.755</u>	<u>57.420.000</u>	<u>29.122.842.884</u>
Tại 30/06/2020	<u>28.977.921.023</u>	<u>47.850.000</u>	<u>29.025.102.152</u>

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5.13 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	146.731.814.195	-	-	146.731.814.195
- Nhà và quyền sử dụng đất	146.731.814.195	-	-	146.731.814.195
Giá trị hao mòn lũy kế	29.254.719.116	1.569.324.216	-	30.824.043.332
- Nhà và quyền sử dụng đất	29.254.719.116	1.569.324.216	-	30.824.043.332
Giá trị còn lại	117.477.095.079	-	1.569.324.216	115.907.770.863
- Nhà và quyền sử dụng đất	117.477.095.079	-	1.569.324.216	115.907.770.863

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/06/2020		01/01/2020	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá ghi sổ	Dự phòng	Giá ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			52.361.090.980	-	53.901.572.487	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Giáo dục Hà Nội Academy	22,33%	22,33%	42.981.043.187	-	46.424.510.984	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	42,93%	42,93%	-	-	97.013.710	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Việt Hàn	28,50%	28,50%	5.700.047.793	-	5.700.047.793	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai (1)	40%	40%	3.680.000.000	-	1.680.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			990.000.000	(350.972.817)	990.000.000	(350.972.817)
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	4,5%	4,5%	990.000.000	(350.972.817)	990.000.000	(350.972.817)
Tổng			53.351.090.980	(350.972.817)	54.891.572.487	(350.972.817)

- (1) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai. Tổng vốn góp điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh là 650 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam góp 40% tương ứng là 260 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/6/2020, Công ty đã góp 3.680.000.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Phải trả người bán

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	133.184.616.694	133.184.616.694	121.064.044.087	121.064.044.087
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina 2	78.737.196.942	78.737.196.942	89.342.615.085	89.342.615.085
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác	54.447.419.752	54.447.419.752	31.721.429.002	31.721.429.002
Tổng	133.184.616.694	133.184.616.694	121.064.044.087	121.064.044.087

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	20.000.000.000	20.000.000.000
Thu tiền theo tiến độ các dự án Bất động sản	501.869.993.940	-
Các đối tượng khác	13.651.057	-
Tổng	521.883.644.997	20.000.000.000

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020 VND
Phải nộp	8.767.646.291	35.399.496.416	19.839.936.829	24.327.205.878
Thuế giá trị gia tăng	-	22.599.851.840	9.512.099.328	13.087.752.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.499.013.181	12.127.514.081	8.478.328.910	11.148.198.352
Thuế thu nhập cá nhân	1.265.018.344	602.184.908	1.775.948.238	91.255.014
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	3.614.766	69.945.587	73.560.353	-

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	2.959.648.167	869.589.041
Các khoản khác	1.287.865.239	442.808.000
Tổng	4.247.513.406	1.312.397.041

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
(IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.19 Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	326.578.294.540	615.479.338.289
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.700.000	3.700.000
Kinh phí công đoàn	198.359.618	175.941.478
Bảo hiểm xã hội	112.142.440	7.041.932
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.740.000	412.740.000
Tiền đặt cọc mua trái phiếu	98.066.700.000	445.000.000
Dự án Wyndham Mũi Né, Bình Thuận (*)	167.724.931.282	467.249.011.919
Dự án Wyndham Hải Tân, Hải Dương (*)	12.093.177.235	37.018.164.495
Dự án Mandala Grand Phú Yên (*)	26.415.137.048	19.845.025.746
Dự án Diamond Park Lạng Sơn (*)	20.686.970.177	89.486.090.893
Phải trả, phải nộp khác	868.136.740	836.621.826
b) Dài hạn	12.904.805.908	13.593.320.640
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	11.107.611.565	11.796.126.297
Đình Quốc Đức (**)	1.797.194.343	1.797.194.343
Tổng	339.483.100.448	629.072.658.929

(*) Thu tiền từ Hợp đồng ký quỹ quyền sử dụng căn hộ để đảm bảo nghĩa vụ ký kết hợp đồng giao dịch mua căn hộ trong tương lai. Giá trị ký quỹ 25% trên giá trị căn hộ.

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0112/HĐHTKD/APHD ngày 01/12/2019 giữa Công ty và ông Đình Quốc Đức về việc hợp tác để thực hiện Dự án Apec Wyndham Hải Dương (Xây dựng tòa Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2020 (VND)		Trong kỳ		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	-	20.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh (1)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	20.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
b) Vay dài hạn	180.829.473.049	180.829.473.049	33.432.854.659	18.603.381.610	166.000.000.000	166.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (2)	180.829.473.049	180.829.473.049	33.432.854.659	18.603.381.610	166.000.000.000	166.000.000.000
Tổng	205.829.473.049	205.829.473.049	33.432.854.659	38.603.381.610	211.000.000.000	211.000.000.000

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 202019/HĐVV/IDJ-APIBN ngày 20/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương. Số tiền vay 15.000.000.000 VND. Lãi suất 12%/năm, lãi cuối kỳ tính trên số tiền giải ngân thực tế. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Thời hạn vay từ ngày 20/11/2019 đến 20/05/2020.

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 212019/HĐVV/IDJ-APIBN ngày 21/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương. Số tiền vay 30.000.000.000 VND. Lãi suất 12%/năm, lãi cuối kỳ tính trên số tiền giải ngân thực tế. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Thời hạn vay từ ngày 21/11/2019 đến 21/05/2020.

- (2) Hợp đồng cho vay số 2019/HĐCV/VPBANK-IDJ ngày 27/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam. Số tiền vay 250.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 30 tháng. Công ty chỉ được rút tiền vay trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, sau thời hạn này Công ty muốn vay phải được bên Ngân hàng chấp thuận. Lãi suất thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Tài trợ vốn nhu cầu thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng và Shophouse thuộc dự án Khu đô thị thương mại, căn hộ và Shophouse Diamond Park bao gồm cả mục đích tài trợ, bồi hoàn/bù đắp chi phí tiền trúng đấu giá đất. Biện pháp đảm bảo gồm hợp đồng thế chấp số 20191227/HĐTC/QSD-IDJ ký ngày 27/12/2019, các hợp đồng đảm bảo ký trước, trong, sau ngày phát sinh hiệu lực hợp đồng này, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hợp đồng đảm bảo trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
a. Trái phiếu phát hành (*)						
- Phát hành theo mệnh giá	50.261.000.000			42.440.000.000		
Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu						
+ Trái phiếu Ibond_2019.01.10 (1)	8.795.000.000	13%	3 năm	9.675.000.000	13%	3 năm
+ Trái phiếu Ibond_2019.02.10 (2)	7.310.000.000	13%	3 năm	10.000.000.000	13%	3 năm
+ Trái phiếu Ibond_2019.03.10 (3)	4.745.000.000	13%	3 năm	9.765.000.000	13%	3 năm
+ Trái phiếu Ibond_2019.04.10 (4)	9.411.000.000	13%	3 năm			
+ Trái phiếu Ibond_2020.12.10 (5)	10.000.000.000	13%	3 năm			
+ Trái phiếu Ibond_2020.13.10 (6)	10.000.000.000	13%	3 năm			
Mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu	-			-		
+ Trái phiếu Ibond_2019.08.50 (7)	-			13.000.000.000	12%	2 năm
Tổng trái phiếu thường	50.261.000.000			42.440.000.000		

(*) Hợp đồng cung cấp dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu số 0413/2019/APEC.TVDN ngày 25/7/2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ, thực hiện chào bán trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua đại lý phát hành. Các thông tin và pháp lý của từng đợt phát hành được chuyển cho đại lý phát hành muộn nhất là vào 15 ngày trước ngày phát hành.

(1) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2019/IDJ/NQ-HĐQT ngày 26/4/2019 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2019.01.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng năm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 25/7/2019, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại các dự án phát triển Bất động sản, cụ thể dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

(2) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/2019/IDJ/NQ-HĐQT ngày 09/7/2019 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2019.02.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng năm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 07/10/2019, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại các dự án phát triển Bất động sản, cụ thể dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2019/IDJ/NQ-HĐQT ngày 30/8/2019 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2019.03.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng nắm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 28/11/2019, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại các dự án phát triển Bất động sản, cụ thể dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

(4) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/2019/IDJ/NQ-HĐQT ngày 21/11/2019 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2019.04.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng nắm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 05/12/2019, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

(5) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2020/IDJ/NQ-HĐQT ngày 19/02/2020 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2020.12.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng nắm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 05/03/2020, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

(6) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2020/IDJ/NQ-HĐQT ngày 19/02/2020 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2020.13.10, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng nắm giữ; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu (tương đương 10.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 05/03/2020, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 03 năm; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần; tiền gốc được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

(7) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2019/IDJ/NQ-HĐQT ngày 06/9/2019 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2019.08.50, loại trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và Công ty có quyền mua lại Trái phiếu tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ hạn Trái phiếu bằng văn bản thông báo đến Chủ sở hữu trái phiếu; mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu; giá bán 100% mệnh giá; tổng trái phiếu chào bán 50.000 trái phiếu (tương đương 50.000.000.000 đồng); số đợt phát hành: 01 đợt; ngày phát hành 03/12/2019, thời gian phát hành trái phiếu không quá 90 ngày; thời gian đáo hạn 02 năm; lãi suất 12%/năm; tiền gốc và lãi được trả 01 lần vào ngày trái phiếu đáo hạn. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại các dự án phát triển Bất động sản, cụ thể dự án APEC Manadala Wyndham Mũi Né, đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty, cung cấp nguồn vốn để thực hiện việc đấu giá, phát triển các quỹ đất mới cho Công ty và mua bán dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	326.000.000.000	1.523.000.000	(5.699.539.512)	16.817.826	321.840.278.314
Tăng trong năm	-	-	29.154.863.763	2.901.651.100	32.056.514.863
Lãi trong năm	-	-	29.154.863.763	(71.813.320)	29.083.050.443
Tăng do hợp nhất	-	-	-	2.973.464.420	2.973.464.420
Giảm trong năm	-	-	341.333.317	-	341.333.317
Giảm khác	-	-	341.333.317	-	341.333.317
Số dư tại 31/12/2019	326.000.000.000	1.523.000.000	23.113.990.934	2.918.468.926	353.555.459.860
Số dư tại 01/01/2020	326.000.000.000	1.523.000.000	23.113.990.934	2.918.468.926	353.555.459.860
Tăng trong kỳ	-	-	43.125.602.682	(9.095.781)	43.116.506.901
Lãi trong kỳ	-	-	43.125.602.682	(9.095.781)	43.116.506.901
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	326.000.000.000	1.523.000.000	66.239.593.616	2.909.373.145	396.671.966.761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	326.000.000.000	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	326.000.000.000	326.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn	9.952.170.369	9.163.037.214
Trung tâm thương mại và Văn phòng, tầng hầm		
Doanh thu in ấn	-	228.945.441
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	78.659.216.001	69.475.196.149
Doanh thu bất động sản	173.995.511.363	-
Doanh thu cung cấp sản phẩm nông nghiệp	48.196.100	-
Tổng	262.655.093.833	78.867.178.804

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.23 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn	9.638.928.709	12.299.047.397
Trung tâm thương mại và Văn phòng		
Giá vốn in ấn	-	393.377.430
Giá vốn xây dựng	69.303.385.964	62.587.006.917
Giá vốn của sản phẩm nông nghiệp	185.408.215	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	108.652.730.267	-
Tổng	187.780.453.155	75.279.431.744

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.266.366.119	281.868.932
Lãi bán các khoản đầu tư	24.375.133	1.376.755.355
Tổng	2.290.741.252	1.658.624.287

5.25 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền vay	2.685.714.903	445.597.417
Chi phí bảo lãnh ngân hàng	64.813.865	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	97.013.710	-
Tổng	2.847.542.478	445.597.417

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí bán hàng	8.339.001.682	114.534.350
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.604.546	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.203.281	114.534.350
Chi phí bằng tiền khác	7.872.193.855	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.448.524.919	4.005.661.918
Chi phí nhân viên quản lý	6.931.492.907	1.560.911.949
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.899.838	7.367.737
Chi phí khấu hao	204.181.290	182.020.380
Thuế, phí, lệ phí	54.003.318	251.034.058
Chi phí dự phòng	-	2.249.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.583.154	725.761.714
Chi phí khác bằng tiền	484.372.236	241.324.404
Phân bổ lợi thế thương mại	1.034.992.176	1.034.992.176
Tổng	17.787.526.601	4.120.196.268

5.27 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Thu nhập khác		
Phạt trả chậm, vi phạm, thanh lý hợp đồng	2.615.043.808	-
Tiền điện thu hộ	228.016.491	-
Thu nhập khác	162.163.556	837.541.296
Tổng	3.005.223.855	837.541.296
Chi phí khác		
Tiền điện thanh toán hộ	228.016.491	
Chi phí khác	620.031.436	755.589.421
Tổng	848.047.927	755.589.421
Lợi nhuận khác	2.157.175.928	81.951.875

5.28 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.127.514.081	464.603.421
Tổng	12.127.514.081	464.603.421

5.29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	43.125.602.682	773.514.195
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.125.602.682	773.514.195
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	32.600.000	32.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.323	24

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	- Ông Nguyễn Hoàng Linh (Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty) đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á Thái Bình Dương - Ông Nguyễn Đỗ Lăng (thành viên Hội đồng Quản trị) đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á Thái Bình Dương sở hữu 100% vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á Thái Bình Dương sở hữu 99,99% vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư BG Group	Đồng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	Lương và thù lao	411.943.324	466.441.447
Tổng		411.943.324	466.441.447

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	Thi Công	102.830.247.806	44.084.423.975
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Thuê TTTM	1.320.525.322	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Thi Công	-	7.142.706.643
	Lãi vay	2.661.369.862	-
	Thi công	-	26.443.638.719

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu khách hàng		122.113.972.554	170.202.038.193
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Thi công	58.749.011.373	83.649.011.373
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	Thi công	63.105.104.465	76.201.570.051
Công ty Cổ phần APEC Land Huế	Thi công	259.856.716	10.351.456.769
2. Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	Thi công	20.000.000.000	20.000.000.000
3. Phải trả tiền vay			
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh	Vay	25.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần In Thái Nguyên	Vay	97.540.000.000	97.740.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận

Bảo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020:

Đơn vị tính VND

	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Dịch vụ in ấn	KD sản phẩm nông nghiệp	Tổng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	9.952.170.369	78.659.216.001	173.995.511.363	-	48.196.100	262.655.093.833
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Doanh thu	9.952.170.369	78.659.216.001	173.995.511.363	-	48.196.100	262.655.093.833
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	313.241.660	9.355.830.037	65.342.781.096	-	(137.212.115)	74.874.640.678
Doanh thu tài chính (Không thể phân bổ)						2.290.741.252
Chi phí tài chính (Không thể phân bổ)						(2.847.542.478)
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh						(3.443.467.797)
Lợi nhuận khác						2.157.175.928
Chi phí bán hàng, chi phí quản lý						(17.787.526.601)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(12.127.514.081)
Lợi nhuận trong kỳ						43.116.506.901

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Dịch vụ in ấn	KD sản phẩm nông nghiệp	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định						31.736.222.536
Xây dựng cơ bản dở dang						63.000.000
Phải thu khách hàng	260.645.228	125.701.970.873	52.881.661.009	-	18.097.100	178.862.374.210
Hàng tồn kho		17.060.822.334	775.427.150.586	-	65.901.140	792.553.874.060
Tài sản không thể phân bổ						674.679.984.201
Tổng tài sản						1.677.895.455.007
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả						981.646.556.231
Phải trả tiền vay						256.090.473.049
Nợ phải trả không phân bổ						43.486.458.966
Tổng nợ phải trả						1.281.223.488.246

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019:

Đơn vị tính VND

	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Dịch vụ in ấn	KD sản phẩm nông nghiệp	Tổng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	9.163.037.214	69.475.196.149	-	228.945.441	-	78.867.178.804
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-
Doanh thu	9.163.037.214	69.475.196.149	-	228.945.441	-	78.867.178.804
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	(3.136.010.183)	6.888.189.232	-	(164.431.989)	-	3.587.747.060
Doanh thu tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	-	-	-	1.658.624.287
Chi phí tài chính (Không thể phân bổ)	-	-	-	-	-	(445.597.417)
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	457.163.551
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	81.951.875
Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	-	-	-	-	-	(4.120.196.268)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(446.178.893)
Lợi nhuận trong kỳ						773.514.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2020 như sau:

Đơn vị tính VND

	Cho thuê VP, TTTM	Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Dịch vụ in ấn	KD sản phẩm nông nghiệp	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định						31.940.403.826
Xây dựng cơ bản dở dang						63.000.000
Phải thu khách hàng	4.005.062.343	170.202.038.193				174.207.100.536
Hàng tồn kho		14.601.438.726	638.330.882.314			652.932.321.040
Tài sản không thể phân bổ						530.552.603.452
Tổng tài sản						1.389.695.428.854
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả						756.543.382.376
Phải trả tiền vay						253.440.000.000
Nợ phải trả không thể phân bổ						26.156.586.618
Tổng nợ phải trả						1.036.139.968.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

6.3.1 Phát hành cổ phiếu

Theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 2 ngày 01/06/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam thông qua:

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 326.000.000.000 đồng lên 652.000.000.000 đồng.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng phát hành thêm tối đa 5% cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phương án. Thời gian thực hiện 2020-2021 giao cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp.

6.3.2 Phát hành trái phiếu

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/2020/IDJ/NQ-HĐQT ngày 01/07/2020 kèm phương án phát hành; mã trái phiếu Ibond_2020.06.10, Ibond_2020.07.10, Ibond_2020.08.10, Ibond_2020.09.10, Ibond_2020.10.10. Ngày phát hành 16/7/2020. Tổng số trái phiếu chào bán 100.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu.

Trái phiếu là trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo và chủ sở hữu trái phiếu có quyền bán lại cho Công ty tại bất kỳ thời điểm nào sau 03 tháng nắm giữ; Giá bán 100% mệnh giá; lãi suất 13%/năm; kỳ hạn trả lãi 3 tháng/1 lần. Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn lưu động tại các Dự án phát triển Bất động sản.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Người lập



Nguyễn Hữu Đạt

Kế toán trưởng



Lê Thị Quy

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy